

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức
và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 382/TTr-SNV ngày 04 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Dem*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Anh Tuấn

QUY CHẾ

Thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành
(Kèm theo Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hình thức tổ chức

Tổ chức phối hợp liên ngành được tổ chức dưới các hình thức: Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý hoặc các Tổ, Đội, Đoàn kiểm tra, Đoàn công tác liên ngành và các tổ chức khác theo quy định.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức phối hợp liên ngành của Trung ương.

3. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện những nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ phối hợp liên ngành.



Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Việc thành lập; cơ cấu tổ chức; tổ chức lại và giải thể đối với tổ chức phối hợp liên ngành được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức phối hợp liên ngành không thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

3. Tổ chức phối hợp liên ngành không có con dấu và tài khoản riêng, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức phối hợp liên ngành không có bộ máy, biên chế chuyên trách mà sử dụng bộ máy biên chế kiêm nhiệm; trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

5. Nội dung hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành, cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành, cơ quan cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành và cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 6. Điều kiện thành lập

Tổ chức phối hợp liên ngành được thành lập theo quy định của pháp luật; văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương; ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành, địa phương.

Điều 7. Thành phần

1. Tổ chức phối hợp liên ngành do lãnh đạo Ủy ban nhân dân đứng đầu, gồm:

a) Cấp phó là Thủ trưởng cơ quan được giao làm nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành;

b) Ủy viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tổ chức phối hợp liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); đại diện lãnh đạo các phòng, ban và tương đương (đối với tổ chức phối hợp liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các trường hợp khác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định (trên cơ sở của cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành).

2. Tổ chức phối hợp liên ngành do lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; lãnh đạo các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương đứng đầu, gồm:

a) Một hoặc một số cấp phó, trong đó có một cấp phó của cơ quan hoặc các trường, phòng, ban, đơn vị có liên quan được giao làm nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành;

b) Ủy viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức phối hợp liên ngành có thể thành lập tổ chuyên viên giúp việc; thành viên của tổ chuyên viên giúp việc do cơ quan thường trực trình người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành quyết định.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH

Điều 8. Trình tự, hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành

1. Căn cứ quy định tại Điều 6 Quy chế này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan về nhân sự tham gia tổ chức phối hợp liên ngành, phương án thành lập, dự thảo quyết định thành lập, quy chế hoạt động để đề xuất Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

2. Hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành gồm:

a) Tờ trình về việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành, trong đó nêu rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý, thành phần tham gia, nhiệm vụ và thời hạn hoạt động;

b) Dự thảo Quyết định thành lập;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động (nếu có);

d) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan (về cử nhân sự tham gia, về ý kiến góp ý khác);

đ) Văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan đến việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 9. Thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành

1. Đối với các tổ chức phối hợp liên ngành đã được pháp luật quy định cụ thể thì cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành gửi hồ sơ đến cơ quan Nội vụ cùng cấp để thẩm định (trừ các trường hợp pháp luật có quy định cụ thể cơ quan, đơn vị trực tiếp trình), trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm các nội dung theo khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

a) Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phòng Nội vụ có trách nhiệm thẩm định việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Nội dung thẩm định bao gồm: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý; tên gọi, chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu, thành viên; thời hạn hoạt động; nội dung dự thảo quy chế.

c) Thời gian thẩm định, trình hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành là không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này (trừ những trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy)

Trong trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cơ quan thẩm định phải trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không đủ điều kiện thành lập.

2. Đối với các tổ chức phối hợp liên ngành không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu, trình trực tiếp cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thành lập (không qua thẩm định của cơ quan Nội vụ).

Về trình tự, hồ sơ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thực hiện theo Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Tổ chức lại tổ chức phối hợp liên ngành

1. Tổ chức lại tổ chức phối hợp liên ngành là việc sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức phối hợp liên ngành dưới các hình thức đổi tên, kiện toàn nhân sự, sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Sắp xếp tổ chức phối hợp liên ngành

a) Việc sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành (như sáp nhập, hợp nhất) được thực hiện khi mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lặp với nhau.

b) Trình tự, hồ sơ sắp xếp tổ chức phối hợp liên ngành được thực hiện theo trình tự thành lập tổ chức phối hợp liên ngành tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

3. Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn nhân sự; bổ sung, thay đổi thành viên

a) Cơ quan được giao làm nhiệm vụ thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành có trách nhiệm thường xuyên rà soát các thành viên trong tổ chức phối hợp liên ngành để kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn nhân sự, bổ sung, thay đổi thành viên đối với các trường hợp sau đây:

Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ hoặc kiện toàn và đổi tên đối với trường hợp có sự thay đổi người đứng đầu hoặc từ 50% trên tổng số thành viên tham gia trở lên và có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tên gọi hoặc thay đổi tên gọi của tổ chức phối hợp liên ngành.

Kiện toàn nhân sự đối với trường hợp có sự thay đổi người đứng đầu hoặc từ 50% trên tổng số thành viên tham gia trở lên và không thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tên gọi của tổ chức phối hợp liên ngành.

Bổ sung, thay đổi thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành khi có đề nghị của cơ quan liên quan về việc thay đổi nhân sự.

b) Trình tự, thủ tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn nhân sự; bổ sung, thay đổi thành viên tổ chức phối hợp liên ngành:

Cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành gửi hồ sơ (Tờ trình; dự thảo quyết định; ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan) đến Văn phòng Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định, đồng gửi cơ quan Nội vụ cùng cấp để theo dõi.

Điều 11. Giải thể tổ chức phối hợp liên ngành

1. Tổ chức phối hợp liên ngành tự giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phối hợp liên ngành xác định được thời gian hoạt động thì tự giải thể theo thời hạn ghi trong quyết định thành lập;

b) Tổ chức phối hợp liên ngành không xác định được thời gian hoạt động thì tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

c) Cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện biết việc tổ chức phối hợp liên ngành đã được giải thể (thông qua cơ quan Nội vụ cùng cấp).

2. Tổ chức phối hợp liên ngành bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phối hợp liên ngành không hoàn thành nhiệm vụ hoặc sau 06 tháng kể từ khi thành lập tổ chức phối hợp liên ngành không hoạt động do không có vụ việc xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hoặc không còn phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Trình tự giải thể được áp dụng đối với khoản 2 Điều này

a) Cơ quan, đơn vị nào trình việc thành lập tổ chức phối hợp liên ngành thì cơ quan, đơn vị đó trình việc giải thể tổ chức phối hợp liên ngành.

b) Hồ sơ trình việc giải thể

Tờ trình về việc giải thể tổ chức phối hợp liên ngành, trong đó nêu rõ lý do việc giải thể;

Dự thảo Quyết định giải thể;

Báo cáo tổng hợp ý kiến các thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về việc giải thể.

c) Cấp nào ra quyết định thành lập thì cấp đó ra quyết định giải thể theo đề nghị của cơ quan đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH

Điều 12. Chế độ làm việc

Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu và mỗi thành viên trong tổ chức.

Điều 13. Chế độ sử dụng con dấu

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật được sử dụng con dấu của cơ quan nơi công tác để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành;
2. Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;
3. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của tổ chức phối hợp liên ngành;
4. Điều động, trung tập nhân sự của các cơ quan, đơn vị là thành viên của tổ chức liên ngành tham gia giúp việc cho tổ chức phối hợp liên ngành;
5. Quyết định Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (nếu có);
6. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ thường trực thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (nếu có); bảo quản hồ sơ, tài liệu của tổ chức phối hợp liên ngành theo quy định của pháp luật; quản lý kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được trang bị theo quy định của pháp luật;
7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan thường trực tổ chức phối hợp liên ngành

Chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quy định khác), giúp người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Điều 14 Quy chế này.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của thành viên

1. Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, chịu trách nhiệm trước người đứng đầu về những công việc được phân công.
2. Ý kiến tham gia của các thành viên là ý kiến của cơ quan, tổ chức đã cử thành viên tham gia tổ chức phối hợp liên ngành.
3. Thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 17. Chế độ hội họp, thông tin, báo cáo

1. Tổ chức phối hợp liên ngành tổ chức các cuộc họp, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu công việc và theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức phối hợp liên ngành sau khi kết thúc hoặc hoàn thành nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 18. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực tổ chức phối hợp liên ngành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quyết định thi hành.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh, bổ sung thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.

